

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy thận nhân tạo Fresenius. Model: 4008S V10

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Lê Văn Tuấn – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT : 0368.684.654
- Báo giá được tiếp nhận theo các hình thức sau :
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
 - Nhận qua Email : bvdkdg@hanoi.gov.vn, CC: vtbtytducgiang@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 3. tháng 4. năm 2025 đến trước 17h ngày 13 tháng 4. năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13. tháng 4. năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính
1	Bảo trì, bảo dưỡng máy thận nhân tạo Fresenius. Model: 4008S V10	Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, kiểm chuẩn máy thận nhân tạo Fresenius. Model: 4008S V10 theo quy trình của hãng sản xuất (Bao gồm bộ kit bảo dưỡng).	16	Cái

- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Bệnh viện đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
- Thời gian thực hiện: 365 ngày
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo lần sau khi thực hiện xong theo hợp đồng và hồ sơ hợp lệ.
- Các thông tin khác (nếu có): Sau bảo dưỡng thiết bị hoạt động tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Báo giá đã bao gồm nhân công, thuế, phí và lệ phí

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thường

Nội dung dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy thận nhân tạo Fresenius 4008S V10 (định kỳ 2 lần/năm) đã bao gồm 1 bộ kit bảo dưỡng

STT	Nội dung công việc
1	Kiểm tra ngoại quan
1.1	Cầu chì có thể tiếp cận từ bên ngoài phù hợp với giá trị hoặc dấu hiệu theo quy định không bị hư hỏng.
1.2	Nhãn mác nguyên vẹn, rõ ràng.
1.3	Tình trạng cơ học cho phép thiết bị hoạt động an toàn. Không có dấu hiệu bị hư hại hoặc nhiễm khuẩn có ảnh hưởng đến chức năng của máy.
1.4	Bơm máu trực lẫn của bơm không có dấu hiệu bị hư hại, hoạt động trơn tru
1.5	Dây điện không bị hư hỏng.
2	Nội dung bảo dưỡng
2.1	Thay gioăng cao su của que hút dịch và bôi trơn; thay thế chốt ri-vê.
2.2	Kiểm tra về chức năng hoạt động Gioăng cao su chốt chặn của buồng rửa
2.3	Thay thế phin lọc (F71 và F72) của que hút dịch.
2.4	Thay thế van thông khí (V92), van một chiều (với tùy chọn CDS).
2.5	Thay thế phin lọc F74 (phía trước bơm UF), F76 (sau V43), F148 (giữa V100 và buồng rửa), F149 (giữa V99 và buồng rửa), F119 (có tùy chọn CDS), phin lọc chất diệt khuẩn.
2.6	Thay thế phin lọc dịch lọc (F73) hoặc lưới lọc.
2.7	Thay thế vòng gioăng cao su trong đầu kết nối dịch.
2.8	Thay thế tấm lọc bụi của quạt.
2.9	Thay thế nẹp bơm quay và đoạn dây của bơm tách khí.
2.10	Thay thế van chống nhiễm khuẩn V84 (nhãn vàng).
2.11	Thay thế phin lọc (F210). (nếu cần).
2.12	Thay thế vòng gioăng cao su đầu nối bibag®.
3	Kiểm tra tổng quát
	Kiểm tra công tắc DIP bo mạch LP 1631 (CPU 1): - Không có Hệ thống Phân phối Trung tâm: Dây 2, công tắc 7 là ON - Có Hệ thống Phân phối Trung tâm: Dây 2, công tắc 8 là ON Kiểm tra công tắc DIP bo mạch PCB LP 632 (CPU 2): - Dây 1, công tắc 3 là OFF - Dây 2, công tắc 5 là OFF
4	DIASAFE® plus
4.1	Kiểm tra tuổi thọ màng lọc DIASAFE® plus.
4.2	Thay thế Phin lọc kỵ nước (F111) và phin lọc kỵ nước / van kiểm tra (F184).
5	bibag®
	Kiểm tra áp suất chuyển mạch của PSW 134: 130 mbar $\pm$ 30 mbar
6	OCM
	Kiểm tra thông số bù nhiệt độ / độ dẫn điện.
7	Kiểm tra thủy lực Tất cả áp lực phải được kiểm tra bằng dụng cụ đo áp lực không bị ướt!
7.1	Áp lực nước đầu vào (được giảm áp): 0.9 ÷ 1.4 bar
7.2	Áp lực tải: 1.45 $\pm$ 0.05 bar
7.3	Áp lực tách khí: -0.81 ÷ -0.85 bar
7.4	Áp lực an toàn của buồng cân bằng ở lưu lượng 800 ml/phút: 2.2 $\pm$ 0.05 bar
8	Hệ thống siêu lọc và bơm màng
8.1	Kiểm tra Bơm UF: Giá trị mong muốn: 60 lần hút = 60 ml $\pm$ 0.5 ml (59,6 g $\pm$ 0,5 g nước dịch lọc).
8.2	Cân chỉnh bơm A: Thẻ tích hút / số lần hút.
8.3	Cân chỉnh bơm B: Thẻ tích hút / số lần hút.

9	Các thành phần tuân hoàn ngoài cơ thể
9.1	Kiểm tra màn hình áp lực động mạch bằng đồng hồ tham chiếu.
9.2	Kiểm tra màn hình áp lực tĩnh mạch bằng đồng hồ tham chiếu.
9.3	Bơm máu: Kiểm tra tốc độ bơm máu (KIỂM TRA tốc độ BM)
9.4	Áp lực chuyển Single-Needle theo bảng.
10	Điều trị
10.1	Áp lực dịch lọc: – Điểm 0 đã được kiểm tra (Tắt máy lưu lượng) – Độ dốc đã được kiểm tra.
10.2	Báo động lỗi nguồn – âm thanh phát liên tục – hiển thị dòng chữ: Power Failure
10.3	Tách khí: Kích hoạt bơm tách khí. Hiển thị dòng chữ khi bơm tách khí hoạt động và phát hiện thấy máu (cảm biến quang cảm nhận tối): Fillprogram
10.4	Kiểm tra báo động dừng bơm máu.
10.5	Kẹp tĩnh mạch đóng sau khi báo động máu.
10.6	Áp lực trong bầu bắt khí tĩnh mạch khoảng 2 bar. Áp lực không được suy giảm quá 0,1 bar trong 3 phút
10.7	Kiểm tra hiển thị độ dẫn điện bằng đồng hồ tham chiếu (sử dụng bibag®!).
10.8	Kiểm tra nhiệt độ mong muốn: 36.5 °C (±0.2 °C) bằng đồng hồ tham chiếu.
11	BPM (tùy chọn) Kiểm tra đo kỹ thuật (TMC) được quy định bổ sung cụ thể cho từng quốc gia là một phần kiểm tra an toàn kỹ thuật (TSC).
11.1	Phân kết nối ống dây được kết nối đúng vào thiết bị.
11.2	Mô-đun đo huyết áp bên trong, bo mạch điện tử, kết nối cáp đã được gắn đúng.
11.3	Kiểm tra rò rỉ: Tốc độ rò rỉ áp lực dưới 6 mmHg/phút.
11.4	Kiểm tra áp lực: (Giá trị áp lực / dung sai) – 250 mmHg / ±3 mmHg – 200 mmHg / ±3 mmHg – 150 mmHg / ±3 mmHg – 100 mmHg / ±3 mmHg – 50 mmHg / ±3 mmHg
11.5	Van an toàn: Được xả ở mức 320 mmHg ± 10 mmHg.
11.6	Thực hiện đo huyết áp.
12	Kiểm tra an toàn điện (hợp đồng nâng cao với điều kiện hệ thống điện có dây tiếp đất) Theo tiêu chuẩn (DIN) EN 62353:2008, IEC 62353:2007
12.1	Kiểm tra ngoại quan theo mục 1.
12.2	Đo trở kháng nối đất bảo vệ của thiết bị: Tối đa 0,3 Ω (bao gồm dây điện)
12.3	Đo dòng rò của thiết bị: Đo trực tiếp hoặc đo gián tiếp Điện áp danh định Phân cực điện lưới dòng rò của thiết bị 1 Đối với điện áp dây: Điện áp danh định bình thường (tối đa 500 µA, xem Điều kiện bổ sung) Phân cực điện lưới dòng rò của thiết bị 2 For line voltage Điện áp danh định bình thường (tối đa 500 µA, xem Điều kiện bổ sung)
13	Kiểm tra chức năng
13.1	Thực hiện kiểm tra T1
13.2	Khởi động chương trình tẩy trùng
13.3	Tất cả những chất thải đều được xả bỏ đúng cách.